

Số báo danh của học sinh:

Kết quả điểm: /20

Họ tên giáo viên chấm thi:

Chữ kí:

Học sinh **KHÔNG** sử dụng máy tính bỏ túi khi làm bài.

PHẦN TRẮC NGHIỆM (10 điểm). Học sinh **CHỌN MỘT** đáp án **ĐÚNG**.

Câu 1. Đơn thức nào đồng dạng với đơn thức $-3x^2yz$?

- A) xy^2z ; B) $-2y^2xz$; C) $\frac{1}{2}x^2yz$; D) $\frac{1}{2}xyz^2$.

Câu 2. Bậc của đa thức $5x^3 - 2x^2 + 1$ là:

- A) 5; B) 4; C) 3; D) 2.

Câu 3. Giá trị của đa thức $2xy - 3xy^2$ tại $x = 1$; $y = -1$ là :

- A) - 5; B) -6; C) 6; D) 5.

Câu 4. Khẳng định nào đúng trong các khẳng định sau :

- A) Đa thức $4x^2$ không có nghiệm; B) Đa thức $x^2 - 4$ không có nghiệm.
C) Đa thức $x^2 + 1$ có nghiệm $x = -1$; D) Đa thức x có nghiệm $x = 0$.

Câu 5. Tìm đa thức M biết: $M - (x^2 - 3y) = 2x^2 + 5y - 2$.

- A) $M = -x^2 + 8y - 2$; C) $M = -3x^2 + 2y - 2$;
B) $M = 3x^2 - 2y - 2$; D) $M = 3x^2 + 2y - 2$.

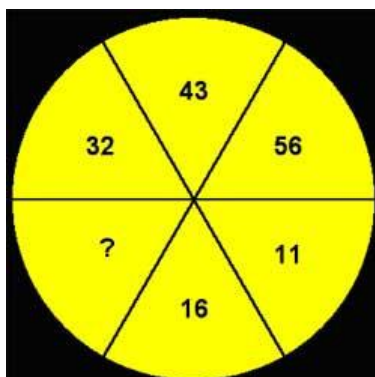
Câu 6. Cho tam giác MNP. Hai đường trung tuyến MD, NE cắt nhau tại G. Tia PG cắt MN tại F. Khẳng định nào sau đây là **sai**?

- A) $\frac{NG}{EG} = 2$; B) $\frac{FG}{PG} = \frac{2}{3}$;
C) G là trọng tâm của tam giác ABC; D) F là trung điểm của MN.

Câu 7. Bộ ba nào sau đây là số đo ba cạnh của một tam giác?

- A) 4 cm, 2 cm, 6 cm; B) 2 cm, 3 cm, 6 cm;
C) 4 cm, 3 cm, 6 cm; D) 4 cm, 1 cm, 6 cm.

Câu 8. Tìm số còn thiếu điền vào dấu hỏi chấm trong hình tròn dưới đây:

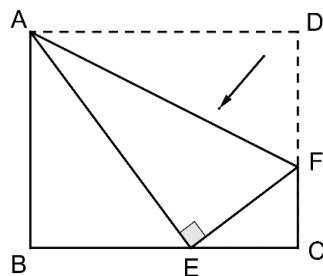


- A) 15; B) 23; C) 34; D) 42.

Câu 9. Số tiếp theo của dãy số: 1, 1, 2, 3, 5, 8 là:

- A) 12; B) 13; C) 14; D) 15.

Câu 10. Gấp 1 mảnh giấy hình chữ nhật như hình dưới đây sao cho điểm D trùng với điểm E là một điểm nằm trên cạnh BC. Biết $AD = 10\text{cm}$, $AB = 8\text{cm}$. Độ dài của BE là:



- A) 4cm; B) 8cm; C) 6cm; D) 10cm.

PHẦN TỰ LUẬN (10 điểm).

Câu 1 (3 điểm). Thu gọn và tìm bậc của đa thức sau: $2x^2y - x^3y^3 - \sqrt{\frac{9}{4}}x^2y + 1$.